

Cội Nguồn Văn Hóa Việt Nam: *Thiên Nhiên* **(*Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất*)**

Phần Tóm Lược: *Tâm Thức và Dòng Sống Dân Tộc*

Dân tộc nào để cho văn hóa ngoại lai ngự trị thì không thể có độc lập thực sự, vì văn hóa là linh hồn của một dân tộc (1).

Cội nguồn văn hóa Việt Nam là Thiên Nhiên; nói cách khác Thiên Nhiên là cội nguồn tâm thức dân tộc. Tâm thức là **dòng sống** linh động và sinh động, là **nội lực** dân tộc.

Nhìn dưới khía cạnh “**lực**”, văn hóa ví như **ngoại công**, còn tâm thức dân tộc tỷ như **nội lực**. Cụ thể hơn, tuy không chính xác lắm, nhưng nó gợi hình và liên hệ đến bản thân con người, nên dễ hiểu hơn, văn hóa ví như thân xác con người, còn tâm thức tỷ như hệ thống miễn nhiễm. Hệ thống miễn nhiễm suy yếu con người sẽ chết dần.

Có thể nói văn hóa là hiện tượng, còn tâm thức là bản chất. Văn hóa là bánh, còn tâm thức là bột. Bột có thể làm mọi loại bánh với nhiều mùi vị khác nhau.

Văn hóa là cuộc sống. Không phải bỏ công nghiên cứu dòng suối đã khô cạn: không phải là khảo cổ đào bới tìm kiếm những di vật dưới lòng đất, cũng không phải là tư duy triết học, không phải nặn óc xây dựng một hệ tư tưởng triết lý để được thiên hạ công nhận và áp đặt con người sống trong cái lồng, cái khung triết lý đó. mà là lời mời hội nhập vào dòng sống dân tộc đang trôi chảy và còn chảy mãi với dòng tâm thức dân tộc để thăng hoa cuộc sống và con người.

Nói đến nét đặt thù văn hóa dân tộc mà không sống với nó, không hít thở cùng ăn – cùng ở với nó là trò chơi danh từ về cái xác chết văn hóa, không đem lại lợi ích cho nhân sinh, không thăng hoa cuộc sống và con người.

Chẳng hạn ca ngợi hết lời tinh thần nhân chủ trong nếp sống Việt mà vẫn sống trong nô lệ của ý thức hệ hay của tôn giáo có tổ chức thì không khác gì “**con két**” nói được hai chữ “**tự do**” mà vẫn ở trong lồng chim, trong lúc của đã mở toang.

Về tận cội nguồn, Thiên Nhiên (Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất) lấy con người làm gốc cho mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần, ý thức được con người có cùng một nguồn sống (Thiên Nhiên) cùng tưới tắm bởi một suối nguồn yêu thương vô tận của trời đất, cùng sống trong một ngôi nhà (trái đất), vượt thoát mọi rào cản ngăn cách lòng người; về cội nguồn thiên nhiên, dĩ nhiên các nền văn hóa sẽ phải gặp nhau ở một điểm là đem lại yêu thương, hạnh phúc, thái hòa bình đẳng cho nhân loại trong cuộc sống ngay tại đây và bây giờ.

Ông Krishnamurti đã khẳng định rằng “cái mà Phật gọi là Niết Bàn, Jesus gọi là Thiên Đàng, tôi gọi là “Cuộc Sống”.

Tám trăm năm trước vua Trần Nhân Tông đã khẳng định rằng “chân lý không nằm trong phật giáo mà nằm chính ngay ở giữa lòng **Cuộc Sống**”.

Trong nếp sống trồng lúa nước, thuận lý theo thiên nhiên sống trọn vẹn với cuộc sống trong tính người và tình người ngay tại đây và bây giờ là sống **Sống Đạo**.

Như vậy, trở về tận cội nguồn, Thiên Nhiên không phải là lập hội nghiên cứu với những buổi hội thảo, thuyết trình, luận bàn hoặc viết thật nhiều sách xây dựng hệ thống tư tưởng triết học mà **thuận lý theo thiên nhiên, sống trọn vẹn với hiện tiền của cuộc sống trong tính người và tình người**, nghĩa là hội nhập vào dòng sống dân tộc để thăng hoa con người và cuộc sống, với định hướng giải phóng toàn triệt con người.

Thiên Nhiên: Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất

Tinh thần thực tiễn (2), môi trường sống (3), cách làm ăn (trồng lúa nước) và lối sống (định cư) giúp cho cư dân Hòa Bình (tiền thân của dân tộc Việt Nam) (4), tích lũy được những hiểu biết qua kinh nghiệm sống sinh động và linh động (hiểu nghiệm) tạo điều kiện thuận lợi cho họ thực hiện thành cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước cách ngày nay khoảng 6000-7000 năm (thời gian tương đối) trong nền văn hóa Hòa Bình (5).

Từ kinh nghiệm sống của nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước, họ mở cửa âm – dương cảm nhận, chuyển tải Thiên Nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) hòa quyện với lòng người vào dòng tâm thức của cư dân Hòa Bình thể hiện qua dòng sống củng cố và phát huy nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng (*hòa cả làng*) chan hòa tình người, sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình (6).

Nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước củng cố và phát triển qua các thời đại văn hóa Bắc Sơn, văn hóa Phùng Nguyên, thời đại các vua Hùng dựng nước Văn Lang

Dần dần qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh, với cảm nang dịch lý – *học ăn, học nói, học gói, học mở* – người Việt Nam trưởng thành là người có lòng trắc ẩn, với đạo lý “*thương người như thể thương thân*”, trong cung cách ứng xử: “*May thay ở chốn bình yên, thấy người hoạn nạn nỡ quên sao đành*”. “*Thương người, người lại thương ta, ghét người thì lại hóa ra ghét mình*”.

Ông Phan Bội Châu đã sống trọn vẹn với dòng tâm thức dân tộc nên chỉ với hai câu thơ ngắn ngọn mà nói lên được ý nghĩa sâu sắc cái đạo lý làm người Việt Nam: “*Làm người ta phải yêu ta, có lòng trắc ẩn mới ra con người*”.

Tổ tiên người Việt Nam đã thần hóa âm dương thành Mẹ Tiên Âu Cơ sống trên núi (Non Nhân), Cha Rồng Lạc Long sống dưới biển (Nước Trí), tỏ lòng biết ơn mẹ cha, âm dương, đất trời. Người thờ người, thờ nhân tính, còn gì nhân bản hơn: “*Dù xây chín bậc phù đồ, không bằng làm phước cứu cho một người*”.

Tình thương và trí tuệ là định hướng của dân tộc Việt Nam trong mọi ý nghĩ, lời nói và việc làm; “**hòa**” là chủ đạo cho mọi liên hệ ứng xử (*hòa cả làng*).

Tình thương hồn nhiên trong sáng, tức dưới ánh sáng của trí tuệ sẽ hóa giải mọi mâu thuẫn ở nội tâm, trong gia đình và ngoài xã hội: “*Thương nhau củ ấu cũng tròn, dù trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng*”.

Mẹ Tiên Âu Cơ và Cha Rồng Lạc Long là biểu tượng thăng hoa theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ với định hướng: *Biến – Hóa – Thăng hoa – Hòa đồng, hòa cùng vũ trụ.*

Thuận lý theo thiên nhiên (trông cơ trời đất liệu thời làm ăn) sống trọn vẹn với cuộc sống tranh tính người và tình người, với nếp sống tinh thức là sống đạo; âm dương, Tiên Rồng là đạo sống, bỏ thực tại đi tìm chân lý là bỏ đạo, sống với mộng, tự mình tắt đuốc đi đêm là vong thân. Nắm được lẽ sinh hóa của Âm Dương, Tiên Rồng có gì không thông.

Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) nơi chứa đựng những yếu tố vĩnh hằng của nền văn hóa Việt Nam nói riêng và của mọi dân tộc nói chung.

Mỗi dân tộc sống trong môi trường khác nhau nên tùy theo môi trường sống mỗi dân tộc có bản sắc độc đáo riêng của nó, được thể hiện ngay trên dòng sống sinh động và dòng tâm thức của nó mà văn hóa là một bộ phận. Văn hóa và tâm thức là hai mặt của một đồng tiền.

Nhìn dưới góc độ của lý âm dương, văn hóa ví như dương (Rồng), còn tâm thức dân tộc tỷ như âm (Tiên). Âm diệt thì dương không thể tồn tại và ngược lại; nhìn dưới khía cạnh “lực”, văn hóa ví như ngoại công, còn tâm thức dân tộc tỷ như “nội lực”. Cụ thể hơn, tuy không chính xác lắm, nhưng nó gọi hình và liên hệ đến bản thân con người, nên dễ hiểu hơn, văn hóa ví như thân xác con người, còn tâm thức dân tộc tỷ như hệ thống miễn nhiễm. Hệ thống miễn nhiễm suy yếu, con người sẽ chết dần. Có thể nói văn hóa là hiện tượng, còn tâm thức là bản chất. Văn hóa là bánh, còn tâm thức là bột. Bột có thể làm mọi loại bánh với mùi vị khác nhau. Tóm lại tâm thức là linh hồn của văn hóa, đồng thời cũng là nội lực dân tộc; cho nên có thể nói văn hóa là linh hồn của dân tộc.

Trở về Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) là con đường sống của dân tộc Việt Nam nói riêng và của mỗi dân tộc nói chung.

Con người phải trở về tận cội nguồn, thiên nhiên, không dừng chân ở bất cứ giáo hội nào, bất cứ chủ nghĩa hay ý thức hệ nào, hoặc bất cứ quan niệm triết học nào, bất cứ chủng tộc nào. Về tận cội nguồn “lý” (chân lý) đem phần “dụng” (biến dịch) ứng dụng vào cuộc sống hiện tiền, đáp ứng nhu cầu sống của thực tại. Nghĩa là thuận lý theo thiên nhiên với ý chí và nghị lực, sống trọn vẹn với cuộc sống (với cái hiện tiền) trong tính người và tình người, tức thể hiện đầy đủ và trọn vẹn nếp sống an nhiên tự tại ngay nơi hiện tiền. Như vậy không có gì ngoài thực tại của cuộc sống.

“Chân lý không nằm trong phật giáo mà nằm chính ngay ở giữa lòng cuộc sống... Phật giáo là cuộc sống” (vua Trần Nhân Tông). Chúa dạy rằng Nước Trời trong lòng các người ... Ta là sự sống. Ông Krishnamurti khẳng định rằng chân lý ở trong mỗi người; nó vĩnh viễn ở ngay đó. Hễ giây phút nào các bạn theo ai thì phút giây ấy các bạn ngưng theo chân lý.

Như vậy không thể đi tìm chân lý ngoài cuộc sống và con người mà thuận lý theo thiên nhiên (*trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*) sống trọn vẹn với cuộc sống, nghĩa là sống và cảm nhận chân lý ngay nơi hiện tiền của cuộc sống.

Nói cách khác, phá bỏ mọi rào cản ngăn cách lòng người, con người đối diện với con người trong tính người và tinh người. Con người cùng một nguồn sống là Thiên Nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) cùng được tưới tắm bởi nguồn suối yêu thương vô tận của trời đất, cùng chung sống trong một ngôi nhà (trái đất), lấy tình thương xây tình người, tạo một dòng tâm thức đáp ứng nhu cầu hóa giải khủng hoảng tâm thức của con người (do sự mất quân bình giữa vật chất và tinh thần trong cuộc cách mạng kỹ nghệ tạo nên) trong xu thế toàn cầu hóa với nền tinh học đang tiến như vũ bão.

Nói một cách ngắn gọn, về tận cội nguồn Thiên Nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) các nền văn hóa sẽ phải gặp ở một điểm là đem lại hạnh phúc, thái hòa, bình đẳng cho nhân loại trong cuộc sống ngay tại đây và bây giờ.

Cội Nguồn Văn Hóa Việt Nam: Thiên Nhiên và Nước

Về tận cội nguồn sự sống, Thiên Nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất), hòa cùng vũ trụ qua cuộc chuyển hóa tâm thức không phải là tín ngưỡng hay lập thuyết, cũng không phải là triết học hay xây dựng một triết lý sống để được mọi người chấp nhận, mà phải là kết quả của trình sống tinh thức, sống trọn vẹn với cuộc sống, chứ không phải là hội luận, tranh cãi hay bút chiến.

Đàm luận, tranh cãi hay bút chiến mất thời giờ vô ích, cho nên, ông cha chúng ta thường nhắc nhở: *“Trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một lần trải qua”*.

Sở dĩ chúng tôi sẽ phải trích dẫn, giải trích dài dòng chỉ nhằm mục đích học hỏi kinh nghiệm sống bằng cách cảm nhận chuyển dịch Thiên Nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) vào dòng sông và dòng tâm thức dân tộc; đồng thời thấu hiểu một cách sâu sắc bản sắc đặc thù của dân tộc (nhân bản, hiện thực, tình thương, thích nghi, dung hóa, việt hóa ...). Ông cha chúng ta tin tưởng vào nội lực đó, nên xem những hiện tượng ngoại nhập Nho – Lão – Phật, và v.v... như rế, giày, dép ...: *“Có rế thì đỡ nóng tay, có dép có giày thì đỡ nóng chân”*.

Nếu chưa việt hóa được những nét đặc thù của hiện tượng ngoại nhập thì tạm thời: *“Ăn sung ngồi gốc cây sung, lấy anh thì lấy nằm chung chẳng nằm”*.

Về nguồn phát huy nội lực, bản lĩnh và dòng tâm thức dân tộc trong bản sắc đặc thù của văn hóa Việt Nam: Nội lực dân tộc hay ý thức dân tộc bản lĩnh bao hàm ý thức bảo tồn, truyền thừa và phát triển các giá trị vĩnh hằng do dân tộc sáng tạo và tích lũy qua quá trình lịch sử nhằm duy trì dòng sinh mệnh văn hóa dân tộc và phát huy ngày thêm tốt đẹp. Văn hóa Việt Nam chứ không phải văn hóa của chủng tộc Bách Việt sống ở châu thổ sông Dương Tử và phía nam sông Hoàng Hà (7).

Nguồn Nào?

1. Thiên Nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất)

Không thể ngừng ở Tam Giáo (NHO - LÃO - PHẬT). Một học giả người Mỹ, không có tâm Việt, chỉ với tinh thần khách quan và đầu óc không bị điều kiện hóa bởi tam giáo cũng thấy được khá chân xác về việc trở về nguồn: ông ta ví văn hóa Việt như một cây gậy, nhìn bề ngoài

thấy phủ lớp sơn Tây mỏng; cạo lớp sơn ấy đi, vẫn thấy phủ một lớp sơn Tàu có phần dày hơn; song cạo tiếp lớp sơn Tàu ấy nữa thì lộ ra cốt lõi cây gậy tre đực Việt Nam. (8)

Thật ra, còn một lớp sơn Ấn Độ (Phật Giáo) cũng khá dày mà học giả quên không đề cập đến. Trở về nguồn cũng không thể ngừng lại ở nền văn hóa Đông Sơn với trống đồng Ngọc Lũ, thời đại Tam Giáo chưa du nhập vào Việt Nam. Trở về nguồn cũng không phải trở về văn hóa Phùng Nguyên, thời đại các vua Hùng dựng nước, thời đại ông Không Tử, ông Lão Tử và Thái Tử Tất Đạt Đa chưa có mặt trên trái đất.

Phải đi ngược lên, xa hơn nữa, vượt qua văn hóa Bắc Sơn với cái riu Bắc Sơn, đến tận nền văn hóa Hòa Bình muộn (12,000 - 10,000 năm trước Tây Lịch) nơi xảy ra cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước (*Oryzasativa*, cây lương thực trọng yếu của loài người) cách ngày nay 6,000 - 7,000 năm, nơi nảy sinh xóm làng (xã thôn tự trị) với tình hàng xóm láng giềng do lối sống (định cư), cách làm ăn (trồng lúa nước) và môi trường sống tạo nên.

Nói cách khác “định canh định cư” đồng nghĩa với sống tương nhượng quần cư hài hòa với hàng xóm láng giềng trong xóm làng tức “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình”. (Trần Gia Phụng, sđd, Trang 55)

1.1 Tinh Thần Thực Tiễn: Học Hỏi Từ Thiên Nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất)

Con người ra đời trong Trời Đất - “*đầu đội trời, chân đạp đất*” - sống giữa thiên nhiên cùng muôn loài. Từ thuở ban sơ, con người học hỏi từ thiên nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) và ở chính mình để tăng dần sự hiểu biết. Có thể nói rằng thiên nhiên là ông thầy đầu tiên của con người và mãi mãi là ông thầy vô tư vi diệu nếu con người vẫn chịu khó để tâm quan sát học hỏi.

Trải qua tiến trình lâu dài hàng chục vạn năm, môi trường sống luôn luôn thay đổi. Nhờ quan sát học hỏi từ thiên nhiên và cuộc sống linh động và sinh động, con người cổ đại ngày càng hiểu biết hơn, hiểu ra được quy luật về chu kỳ của sự biến chuyển thời tiết, biết được tính chất đất đai, hiểu quy luật vận hành của thiên nhiên cùng vạn vật.

Những tri thức thực nghiệm đó giúp cho con người cổ đại thích nghi với môi trường sống để tồn tại và phát triển về mọi mặt vật chất lẫn tinh thần.

Thời đại không sách vở, kinh điển, không học thuyết này, học thuyết kia, không mở mắt, không động não, không mở lòng để cảm nhận, con người không sống nổi. Tìm những trái cây ăn được qua quan sát các loài chim ăn trái trên cành, nhìn thấy con sóc lượm quả dưới đất...

Sau một thời gian dài, từ săn bắt hái lượm, đào củ, cư dân cổ ở Hòa Bình (tiền thân của dân tộc Việt Nam) biết thuần hóa cây nông nghiệp, thú vật, chuyển sang định canh định cư: trồng trọt, trồng lúa nước và nuôi gia súc.

Ai đã dạy cư dân Hòa Bình (tiền thân dân tộc Việt Nam) trồng trọt?

Phải chăng môi trường sống (thiên nhiên) và đời sống thực tiễn là ông thầy của họ? Thường ngày họ hái, lượm quả chín ở trong rừng sâu đem về hang động, ăn xong, vứt hạt xuống

đất âm, hạt nảy mầm, mọc lên cây, sinh hoa kết trái... Từ đó họ cùng nhau phá rừng để biến thành vườn nương, vườn tược trồng cây ăn trái, đồi nương trồng rau dưa, bầu bí, khoai đủ loại được hình thành dần dần theo thời gian và sự hiểu biết cũng tăng dần.

Thế là nghề nông xuất hiện, đánh dấu một bước tiến bộ quan trọng trong đời sống của dân cư Hòa Bình. Từ những kinh nghiệm trồng trọt, họ nhận ra được nước giúp cho thảo mộc tăng trưởng mạnh và tốt tươi, nên họ tìm cách thuần hóa lúa hoang trở thành cây lúa trồng dưới ruộng nước.

Quan sát để học; học để biết; biết để làm; làm để sống. Rồi vừa làm vừa học, làm đến đâu học đến đó. Biết đến đâu sống đến đó. Biết rồi bảo nhau cùng biết để thăng tiến con người. Thăng tiến con người đồng nghĩa với thăng tiến xã hội, và ngược lại. Vì sống phải làm mà làm thì tăng sự hiểu biết “sống – làm – biết” và ngược lại “biết – làm – sống” (như trên đã dẫn).

Kinh nghiệm sống cho biết, con người học hỏi bằng **tâm**: cảm nhận, trực nhận; học hỏi bằng **mắt**: quan sát; học hỏi bằng **tay**: lao động; học hỏi bằng **óc**: suy tư, nhận xét, sáng tạo.

Người nông dân trồng lúa nước phải quan sát trời (thời tiết) trăng sao, đất đai, mưa gió thật tỉ mỉ để hoạch định công việc cày cấy, để sẵn sóc, chăm bón đồng ruộng.

Sống với nghề nông trồng lúa nước ổn định lâu đời cách ngày nay 6,000 – 7,000 năm (thời đại văn hóa Hòa Bình) cư dân Hòa Bình (tiền thân của dân tộc Việt Nam), với kinh nghiệm sống thực tiễn thấu hiểu rằng muốn giải quyết các khó khăn trong cuộc sống thì phải nhìn thẳng vào sự thực trong hiện tại (thực tại) về sau ông cha ta diễn tả cái biết đó bằng: “Trông cơ trời đất liệu thời làm ăn”, nghĩa là cảm nhận, thuận lý theo thiên nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) sống trọn vẹn với hiện tiền của cuộc sống trong tính người và tình người ngay tại đây và bây giờ.

1.2 Nếp Sống và Nếp Nghĩ Được Hình Thành Từ Môi Trường Sống (Thiên Nhiên)

1.2.1 Hiểu Biết Âm Dương Qua Kinh Nghiệm Sống

Nói ngắn gọn tổ tiên người Việt Nam mở cửa âm dương về tận cội nguồn cảm nhận, chuyển tải Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) hòa quyện với lòng người vào dòng sống dân tộc củng cố và phát huy nếp sống tương nhượng, hài hòa, chan hòa tính người và tình người, với đạo lý thương người như thể thương thân, nghĩa là lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc.

Trồng lúa nước mang tính thời vụ cao bắt buộc người nông dân phải quan sát thiên nhiên. Trông trời trông đất (*trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*); đồng thời không thể quên yếu tố con người.

Từ hai yếu tố cha mẹ, nam nữ, già trẻ, trời đất, đêm ngày, nóng lạnh, sáng tối... và do sống trong hoàn cảnh của nghề trồng lúa nước, người nông dân thường xuyên tiếp xúc với những cặp đối lập khác như nắng mưa, úng hạn..., rồi đực cái trong thú vật, bông đực, bông cái trong bầu bí..., vui buồn, hạnh phúc đau khổ trong cuộc sống, trên dưới, trong ngoài... dần dần tổng quát

hóa hai yếu tố đối lập thành âm dương. Như vậy, ông cha chúng ta với nếp sống định cư định canh đã nắm bắt được lý âm dương qua kinh nghiệm sống thực tiễn sinh động và linh động.

Cảm và nhận quy luật dịch lý của thiên nhiên, của trời đất, mở tâm mình hòa cùng vũ trụ vạn vật: tâm ta và tâm vũ trụ là một, giống nhau, để từ đó rút ra (nhận ra) những quy luật, những bài học được thể nghiệm, chứng nghiệm từ kinh nghiệm sống thực tế, xây dựng nếp sống hài hòa: hài hòa giữa thân và tâm trong cuộc chuyển hóa tâm thức, hài hòa giữ người với người để chung sống yên vui thanh bình, hài hòa giữa người với thiên nhiên để thăng hoa cuộc sống và con người, theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ với định hướng: *Biển – Hóa – Thăng hoa – Hòa đồng, hòa cùng vũ trụ hội nhập vào dòng tâm thức dân tộc thể hiện qua dòng sống dân tộc.*

1.2.2 Lý Vận Hành Âm Dương

Những quy luật dịch lý của thiên nhiên, những bài học rút ra từ Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (thiên nhiên) là những bài học chân xác vượt không gian và thời gian.

Đó là những quy luật vận hành của lý âm dương; chẳng hạn tất cả mọi hiện hữu trên đời đều biến đổi không ngừng, thích nghi với môi trường chung quanh theo quy luật vận hành riêng của nó, như cây lúa, dây bầu, dây bí, thời tiết, v...v.. kể cả con người và vạn vật muôn loài; và không có cái gì trên trái đất này tự nhiên hay do một người nào đó tạo ra, mà phải do nhiều yếu tố hợp lại mà cấu thành. Cây lúa chỉ có thể phát triển tốt tươi trên đồng ruộng là do sự cần cù lao động của con người, với giống tốt và nước, phân, ánh sáng mặt trời và thời tiết...

1.2.3 Những Đặc Thù Của Nền Văn Hóa Việt Nam

Tinh thần nhân bản (con người là gốc) cũng như tinh thần nhân chủ trong nền văn hóa Việt Nam không phải do một vị thần linh, hay do một người đặc đạo nào đó, hoặc do một hệ thống triết học ban phát hay chỉ dạy cho dân nông nghiệp trồng lúa nước thời văn hóa Hòa Bình nói riêng, và cho dân tộc Việt Nam nói chung, mà do tình gia đình (tình mẹ con, cha con, lòng hiếu thảo) môi trường sống (khí hậu nhiệt đới, gió mùa với những đồng bằng trù phú) cách làm ăn (trồng lúa nước) và nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng (hòa cả làng) đã tôi luyện hun đúc nên.

Thực tế cho thấy kinh nghiệm trồng lúa nước đã rèn luyện, hun đúc cho nông dân tinh thần nhân chủ. Muốn thu hoạch được kết quả tốt đẹp trong việc trồng lúa nước, nông dân phải chủ động quan sát các hiện tượng thiên nhiên: trông trời, trông đất, trông mây v.v.... Nói gọn một câu: “Trông cơ trời đất liệu thời làm ăn”; nghĩa là quan sát hiện tượng thiên nhiên, thời tiết để quyết định sắp xếp công việc trồng trọt, làm mùa v.v....

Nếu mưa to, gió lớn, giông bão nổi lên nông dân không đợi gì mà cày bừa, gieo mạ, cấy lúa trong những trường hợp đó.

Nếu trời trong biển lặng, nông dân mới yên tâm làm ruộng. Điều đó chứng tỏ rằng quyết định làm hay chưa làm là do con người. **Nói cách khác, người nông dân chủ động trong mọi sinh hoạt của con người.**

Như vậy, người nông dân tự mình quyết định những công việc phải làm, chưa làm hay không làm. Con người tự mình quyết định, làm chủ chính mình. Triết học ngày nay gọi đó là tinh thần nhân chủ. (Xem chi tiết Tinh thần nhân bản và nhân chủ trong nền văn hóa Việt trên website www.tusachvietthuong.org).

Nói cách khác, nghề nông trồng lúa nước bắt buộc nông dân nhìn thẳng vào thiên nhiên (Trời), đất đai, và thời tiết:

*Trông trời, trông đất, trông mây
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.*

Mở rộng cõi lòng quan sát những hiện tượng thiên nhiên – hướng gió, độ mưa, sắc mây, vàng trắng, én bay thấp hay cao, quạ tắm hay sáo tắm, v...v... quan sát thực tại để tìm hiểu sự thật/chân lý (mưa hay nắng, mưa ngập bờ ao hay mưa rào lại tạnh, v...v...) hầu giải quyết trở ngại cho việc gieo trồng nói riêng, cho cuộc sống nói chung.

*Quạ tắm thì ráo (nắng) sáo tắm thì mưa
Én bay thấp mưa ngập bờ ao
Én bay cao mưa rào lại tạnh*

Chính thiên nhiên đã dạy người nông dân, nói theo ngôn ngữ ngày nay: thực tại là tiêu chuẩn của chân lý.

Quan sát bên ngoài (thiên nhiên) chưa đủ mà còn phải quan sát ở chính mình, để tự hiểu mình; phải có quyết tâm mới có thể đạt được kết quả tốt trong công việc: Trông cho chân cứng đá mềm. Không tự hiểu mình, không thể tiến xa được, không thể sống yên vui được. Ông cha ta đã rút được kinh nghiệm, *trăm hay xoay vào lòng, vì ngọn đèn được tỏ trước khiêu bởi mình*. Tự hiểu mình đi đến chỗ ý thức được lòng mình (tâm mình) với tâm vũ trụ là một, hòa cùng vũ trụ, *“trời trong biển lặng mới yên tâm lòng”*.

“Nền văn hóa trồng lúa nước là một thể nghiệm sống của sự hòa điệu giữa Trời – Người – Đất, trong đó sức cần lao cũng như trí thức thực nghiệm của con người được ứng dụng và điều hợp một cách sáng tạo sao cho hòa nhịp và kết hợp với thời tiết (trời) và đất đai để cho lúa được tốt tươi. Mỗi liên hệ giữa Trời – Người – Đất gần gũi, đồng cảm, và đồng đẳng”.

Có lẽ không ai lột tả được trọn vẹn ý nghĩa tinh thần nhân chủ qua mối liên hệ giữa Trời – Người – Đất của nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước qua bài thơ của vị nho sĩ cần vương Trần Cao Vân:

*Trời Đất sinh Ta có ý không,
Chưa sinh Trời Đất có Ta trong.
Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh,
Trời Đất in Ta một chữ đồng.
Đất nứt Ta ra Trời chuyển động,
Ta thay Trời mở Đất mênh mông.
Trời che Đất chở Ta thông thả,
Trời Đất Ta đầy đủ hóa công. (9)*

Ông cha ta chuyển sự hiểu nghiệm (sự hiểu biết qua kinh nghiệm sống) và “kinh nghiệm” cảm nhận thiên nhiên lại cho con cháu và khai mở dân trí bằng ca dao, tục ngữ, huyền thoại, truyện kể bằng lời rất sinh động và linh động, không đóng khung trong chữ nghĩa khô cứng qua thời gian. Mặt khác *“trăm năm bia đá thì mòn, ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”*.

Khởi từ cuộc sông sinh động, truyền từ sự sinh động qua sự sinh động thiết thực của cuộc sống, không đóng khung trong chữ nghĩa chết. Chữ nghĩa, sách vở, kinh điển chỉ mô tả sự thật chứ không phải là sự thật. Ca dao tục ngữ chuyển tải kinh nghiệm sống, sự hiểu nghiệm và cảm hứng trong cuộc sống từ lòng người qua lòng người. Ca dao tục ngữ và huyền thoại là tiếng nói tâm thức của dân tộc.

“Người dân sống nơi làng mạc đã lớn lên cùng với ca dao, tục ngữ mà qua đó họ nắm bắt được các yếu tính của đạo sống Việt, giúp họ biết được bản phận cũng như cách ứng xử cho hợp đạo, hợp lý, hợp tình đối với cá nhân, gia đình, làng xóm cho đến đất nước. Trong quá khứ mặc dù rất nhiều người Việt không đến trường học nhưng họ chỉ cần trang bị những kiến thức truyền miệng đó mà cũng biết sống để trở thành nên trai hiền, dâu thảo, yêu nước, thương nòi (10), biết sống **liên đới** hợp tình, hợp lý với mọi người trong xã hội, qua tập tục đổi công, vãn công, nay người mai ta trên đồng ruộng và truyền thống có việc thì đến hết việc thì đi, trong cuộc sống hàng ngày.

Ca dao – tục ngữ không bàn đến Thiên Đàng hay Niết Bàn mà chú tâm vào dòng sông đang trôi chảy. Ca dao – tục ngữ cũng không đề cập đến triết học hay triết lý cao siêu mà chỉ quan tâm đến cuộc sống linh động và sinh động, thuận lý theo thiên nhiên sống trọn vẹn với cuộc sống (*trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*).

Ca dao tục ngữ không lý luận dài dòng sắc bén mà dựa vào tâm, lấy tâm thức làm chủ đạo, dùng lời ngắn gọn súc tích gợi hình gợi cảm, dễ nhớ, gõ cửa lòng người, đánh động tâm thức, truyền đạt lối sống nhân bản, từ tâm sang tâm, dẫn dắt con người vào truyền thống tương thân tương ái của dân tộc:

*Chín bỏ làm mười.
Một câu nhịn, chín câu lành.
Coi nhau như bát nước đầy thì hơn.
Một bỏ cái lý không bằng một tí cái tình.
Thấy người hoạn nạn mà thương,
Thấy người cùng khổ lại càng thương hơn.
Thương người người lại thương ta,
Ghét người thì lại hóa ra ghét mình.
Thương người như thể thương thân.
Thương người bớt miệng mà cho.
Thấy người hoạn nạn thì thì thương,
Thấy người đói khát thì nhường miếng ăn.
Người trong một nước phải thương nhau cùng.
Lá lành đùm lá rách. (Ca Dao – Tục Ngữ)*

*Làm người ta phải thương ta,
Có lòng trách ân mới ra con người. (Phan Bội Châu)*

Như vậy, người Việt cần gì phải khổ tâm chạy đi tìm tình thương trong sách vở kinh điển với những định nghĩa, lý giải dong dài. Hạt giống tình thương ở trong con người. Cho nên không thể tìm tình thương trong chữ nghĩa hay lời giảng dạy mà phải sống, sống trọn vẹn với cuộc sống trong tính người và tình người. Môi trường sống sẽ tạo điều kiện cho hạt giống tình thương nảy nở hồn nhiên trong sáng.

Tri thức thực nghiệm của người nông dân Việt rút ra từ Thiên Nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) căn cứ trên quan sát các hiện tượng thiên nhiên, cuộc sống và chính mình; rồi “đem các quy luật vận hành đã ghi nhận được ứng dụng vào những lãnh vực liên hệ đến cuộc sống hàng ngày. Quy luật vận hành của bốn mùa, hướng gió, độ mưa của từng thời kỳ, sắc mây, vàng trắng, v.v... đã được ứng dụng vào việc dự báo thời tiết cho nhà nông; vì thế cuộc sống của nông dân gắn liền với cuộc sống thảo mộc và thiên nhiên. Đây là mối liên hệ mật thiết, tương quan, tương cảm đã phản ảnh sâu đậm trong nhân sinh quan của người nông dân Việt.” (11) Nhân sinh quan thảo mộc với cái nhìn thảo mộc thích nghi, hài hòa của nông dân Việt Nam khác với cái nhìn “đàn lũ” chăn nuôi theo bầy đàn với đánh đập la hét của người Trung Hoa và Tây Phương với nhân sinh quan du mục (hiểu chiến, chiếm đoạt, độc tôn độc hữu).

Qua kinh nghiệm sống, họ biết phải nương tựa vào thiên nhiên, thích nghi, thích ứng với thiên nhiên để tồn tại và phát triển hầu thăng hoa con người và cuộc sống. Kinh nghiệm sống với những tri thức thực vật cũng giúp cho nông dân biết rằng nếu sống xa cách thiên nhiên hay phá hoại thiên nhiên, con người khó tồn tại một cách lành mạnh.

Truyền thống bảo vệ thực vật (bảo vệ môi sinh) của nền văn hóa xóm làng, văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước ghi nhận được qua chiếu chỉ của vua Lý Nhân Tông năm 1126 (Bính Ngọ): cấm dân chúng mùa xuân không được chặt cây (DVS KTT, trang 294). Đây là niềm hãnh diện của dân tộc. Ông cha ta đã đi trước thế giới gần 800 năm.

“Vai trò của con người hết sức quan trọng, chẳng những vì nhu cầu điều hợp qua sự vận dụng tri thức thực nghiệm, mà còn vì sự đóng góp công sức lao động trong tiến trình canh tác phức tạp. Và cũng vì nhu cầu đó mà có nhiều con cái được xem là lộc Trời cho, vai trò của người mẹ trở nên quan trọng, nền tảng gia đình trở nên cần thiết trong việc kế thừa ruộng đất của cha ông cũng như phát triển hoa màu hiện có.

Tiến trình canh tác lúa nước được chia ra nhiều công đoạn: nặng nhọc như cày bừa, nhẹ nhàng hơn như cấy lúa, nhổ cỏ, tát nước.... Vì thế, nam cũng như nữ được phân công hợp tác vào từng công đoạn thích hợp: nặng nhọc cho nam, nhẹ nhàng cho nữ.... Vai trò người nữ trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước do đó cũng đặc dụng chứ không đến nỗi hầu như vô dụng như trong nền văn hóa du mục khi họ phải sống bám vào sức lực của người nam. Từ đó người nữ trong xã hội nông nghiệp trồng lúa nước được đối xử bình đẳng hơn.

Sự phức tạp của kỹ thuật trồng lúa nước đòi hỏi nông dân phải có một tinh thần kỷ luật và cộng tác cao, cũng như phải có ý thức trách nhiệm chung. Sơ xảy một chút, để ruộng thiếu nước hoặc úng nước, là có thể đưa đến mất mùa, đói kém. Trong trường hợp cần chống hạn hoặc phòng lụt, toàn dân làng phải dốc toàn lực, sát cánh đối phó ngày đêm dưới sự điều động gắt gao

của các chức sắc trong làng. **Ý thức cộng đồng** từ đó mạnh nhen, đặt cơ sở phát triển **ý thức dân tộc** vốn đã nhen nhúm trong sự gắn bó của nông dân với ruộng đất và làng mạc, cũng như mối liên hệ thiêng liêng nối liền các thế hệ qua tục thờ cúng tổ tiên (người thờ người, thờ nhân tính còn gì nhân bản hơn).

Tri thức thực nghiệm của nông dân Việt căn cứ trên sự quan sát các hiện tượng thiên nhiên và đem các quy luật vận hành ghi nhận được ứng dụng vào những lãnh vực liên hệ đến cuộc sống hàng ngày. Quy luật vận hành của bốn mùa, hướng gió, độ mưa của từng thời kỳ, sắc mây, quang trăng... đã được ứng dụng vào việc dự báo thời tiết cho nhà nông. Vì thế, cuộc sống của nông dân gắn liền với cuộc sống của thảo mộc và thiên nhiên. Đây là mối liên hệ mật thiết, tương thông tương cảm đã phản ảnh sâu đậm trong nhân sinh quan của nông dân Việt. Liên hệ nhân quả qua quán chiếu từ giống tốt tạo nên nhánh lúa trĩu hạt. Ý niệm luân hồi tái sinh rút ra từ chu trình thảo mộc qua bốn mùa. Ý niệm tri ân tiên nhân, nền tảng của tục thờ cúng tổ tiên, bắt nguồn từ việc “uống một ngụm nước trong mát phải nhớ đến nguồn nước, ăn một trái cây ngon ngọt phải nhớ công lao của kẻ trồng cây”. Nhân sinh quan thảo mộc thiên nhiên này đã tạo nên một không gian tâm linh, một chiều kích thứ tư, khiến con người tương cảm, tương cận với tiên nhân. Trong gia đình, con người cảm thấy vững tâm với linh cảm rằng mái ấm gia đình của mình luôn luôn có sự che chở của tổ tiên ngự trị trên bàn thờ gia tiên. Đối với nông dân Việt, sự an bình trong làng mạc của họ được vị thành hoàng làng trấn ngự dưới mái đình làng phù trợ. Mở rộng ra đến cả nước thì quốc tổ sẵn sàng tiếp ứng lúc hữu sự, khi con cái cất tiếng kêu cầu: “Bố ơi! Về giúp chung con.” (Bố trong ý nghĩa nội lực dân tộc, ý thức dân tộc, tâm thức dân tộc, ...).

Một hiện tượng hết sức phổ biến trong thiên nhiên mà nông dân Việt đã quán chiếu được đó là: mọi sự vật trên đời hầu hết hợp thành từng cặp bổ túc và bổ nghĩa cho nhau qua sự tương phản và nếu được kết hợp, chúng sẽ chuyển hóa thành một thể tổng hợp mới hài hòa trọn vẹn, tỉ như sáng-tối, nam-nữ... Ban mai và ban tối hợp thành một ngày trọn vẹn. Người nam sẽ chưa thành nhân nếu chưa kết hôn với người nữ để cùng nhau xây dựng một mái ấm gia đình, sinh con đẻ cái. Qua sự quán chiếu đó, nông dân Việt rút ra được quy luật: muốn đạt được sự hài hòa thì phải kết hợp (thông nhất) các mâu thuẫn, dị biệt (đối lập).

Do đó, nhân sinh quan của nông dân trồng lúa nước đặt nền tảng trên sự hài hòa, phối hợp Trời – Người – Đất. Muốn đạt được hài hòa phải có sự chấp nhận dị biệt trong bình đẳng, tương thân và tương tác, từ đó mới thực hiện được sự phân công hợp tác một cách tốt đẹp. Nhân sinh quan này bắt nguồn từ vai trò bình đẳng của con người với trời đất trên cõi đời này. Vì thế, cốt lõi của nhân sinh quan này là Nhân Chủ: trí tuệ, tình người và sức lực con người là chủ yếu. Vai trò của người nữ được trân trọng, tình gia tộc thấm thiết, tình hàng xóm láng giềng khắng khít, cùng chia sẻ ngọt bùi, cay đắng nên sự hợp tác chặt chẽ, sự phân công hợp tình, tinh thần trách nhiệm chung cao do ý thức cộng đồng sâu sắc.

Qua lăng kính nhân chủ, trời được nhân cách hóa thành cha Trời mẹ Đất và cỏ cây, sông núi cũng đều có linh khí như con người. Cùng lúc đó, một không gian tâm linh bàng bạc phủ trùm toàn thể các sinh hoạt của người nông dân; linh hồn tổ tiên, hồn thiêng sông núi lúc nào cũng như cận kề với họ.

Sự hài hòa khởi đi từ sự kết hợp của hai người nam-nữ “có âm dương, có vợ chồng”, sự hòa mục trong làng xóm đến sự thái hòa của đất nước. Và đỉnh cao tuyệt đích của con người là

Thăng hoa theo chiều kích tâm linh (12) phát triển tình thương và trí tuệ, với định hướng hòa cùng vũ trụ.

Nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước là nếp sống tương nhượng, hài hòa nghĩa là sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình (13) trong tinh thần tương trợ, tương thân, tương ái. Cuộc sống chan hòa tính người và tình người xây dựng quan niệm xem mọi người trong xã hội như người thân trong gia đình qua cách xưng hô đầy thân thương: chú, bác, cô, dì, cậu, mợ, anh, chị, em... chính vì thế mà xã hội Việt Nam không có chế độ nô lệ như Tây phương, Bắc Mỹ và Trung Quốc và phân chia đẳng cấp như Ấn Độ, Nhật Bản, Đại Hàn... Nở lòng nào bắt chú, bác, cô, dì mình làm nô lệ. Làm sao đành lòng khinh miệt cậu, mợ, anh, chị, em mình. (14)

Cho nên đạo lý của người Việt là “*thương người như thể thương thân*”, “*làm người, ta phải thương ta, có lòng trắc ẩn mới ra con người*” (Phan Bội Châu). “*Người trong một nước phải thương nhau cùng; thương người, người lại thương ta, ghét người thì lại hóa ra ghét mình; may thay ở chốn bình yên, thấy người hoạn nạn nở quên sao đành. Thấy người đói khát thì nhường miếng ăn; thương người bớt miếng mà cho*”. “Nở quên sao đành”, “nhường miếng ăn”, “bớt miếng mà cho” phát xuất từ lòng trắc ẩn chứ không do lời chỉ dạy hay sự ban phát của Phật hay Chúa hoặc một người đấng đạo nào đó.

Tình thương dưới ánh sáng của trí tuệ (tình thương không mang nhãn hiệu phe nhóm, không mang màu sắc tôn giáo) hóa giải mọi mâu thuẫn nghịch lý ở nội tâm, trong gia đình cũng như ngoài xã hội.

*Thương nhau củ ấu cũng tròn,
Dù trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng.*

Những yếu tố tinh hoa của nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước, cho thấy xã hội đã có một nền tâm linh vững chắc, qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh với cảm nan dịch lý – học ăn, học nói, học gói, học mở – và nền tâm học: Biền, Hóa, Thăng hoa, Hòa đồng, hòa cùng vũ trụ, hội nhập vào dòng sống sinh động của dân tộc. Vì có nền tâm linh phát huy được tiềm năng của tình thương trong cuộc sống, nên Việt Nam (thời đại Văn Lang, Âu Lạc) phát triển tâm linh trong các sinh hoạt văn hóa mà chưa từng có tổ chức tôn giáo hay triết học thành một hệ thống chi phối đời sống tâm linh con người.

Tâm linh con người hoàn toàn tự do không bị bóp méo đóng khung trong chữ nghĩa. Con người không bị điều kiện hóa bởi tội tổ tông hay đã tạo nghiệp từ nhiều kiếp trước từ lúc còn trẻ thơ, với tâm tư tình cảm hồn nhiên trong sáng.

Qua sự trình bày ở phần trên có thể khẳng định rằng Thiên Nhiên là cội nguồn của nền văn hóa Việt Nam. Nói cách khác Thiên Nhiên (Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất) là cội nguồn tâm thức dân tộc. Văn hóa và tâm thức là hai mặt của một đồng tiền, không thể tách rời. Tâm thức là dòng sống linh động và sinh động, là linh hồn của văn hóa, đồng thời cũng là nội lực dân tộc.

Văn hóa là cuộc sống. Không phải bỏ công nghiên cứu dòng suối khô cạn: không phải là khảo cổ đào bới tìm kiếm những di vật dưới lòng đất, không phải là tư duy triết học, cũng không phải nặn óc xây dựng một hệ tư tưởng triết lý để được thiên hạ công nhận mà là lời mời hội nhập

vào dòng sông dân tộc đang trôi chảy và còn chảy mãi, với dòng tâm thức dân tộc để cùng nhau thăng hoa cuộc sống và con người.

Nói đến nét đặc thù văn hóa dân tộc mà không sống với nó, không hít thở, cùng ăn ở với nó là trò chơi chữ nghĩa về cái xác chết văn hóa, không đem lại lợi ích cho nhân sinh, không thăng hoa cuộc sống và con người.

Chẳng hạn, ca ngợi hết lời tinh thần nhân chủ trong nếp sống Việt mà vẫn sống trong nô lệ của ý thức hệ hay của tổ chức tôn giáo thì không khác gì con két nói được hai chữ “tự do” mà vẫn ở trong lồng chim, trong lúc cửa đã mở toang.

Như vậy, trở về tận cội nguồn thiên nhiên không phải là lập hội nghiên cứu với những buổi hội thảo, thuyết trình, luận bàn hoặc viết thật nhiều sách xây dựng hệ thống tư tưởng triết học mà chỉ là thuận lý theo thiên nhiên, sống trọn vẹn với cuộc sống trong tính người và tình người ngay tại đây và bây giờ. Đó là sống đạo.

2. Nước: Người Việt Học Hỏi Nhiều Nơi Nước

Chúng ta vừa lược phác qua các đặc tính phổ quát của nền văn hóa trồng lúa nước do học hỏi từ Thiên Nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất). Mặt khác, nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước ở Việt Nam còn mang dấu ấn của địa bàn sinh sống của tổ tiên người Việt Nam.

Nước là môi trường thiên nhiên gần gũi con người nhất, ở trong con người và chung quanh con người, ở đâu cũng có nước. Trên thế giới có lẽ chỉ có người Việt Nam gọi quê hương mình là nước: Nước Văn Lang, Nước Việt Nam vì vậy đặc tính của nước được xem là một đặc trưng của văn hóa Việt Nam.

Vị trí địa dư của đất nước ta chẳng những nằm trong bán đảo Đông Dương, chiếm trọn phần phía đông của bán đảo ấy mà còn là đầu cầu tiếp cận lục địa Á Châu với cả quần thể văn hóa hải đảo Đông Nam Á, nên tính bán đảo lại càng nổi bật trong sinh hoạt.

Những đặc tính phổ quát của nền văn hóa trồng lúa nước, như đã nêu ở phần trên, nhờ đó lại được phong phú hòa về phương diện khai phóng và dung hòa trong quá trình giao lưu văn hóa khu vực.

“Sự quy chiếu của hai nền văn hóa này làm nổi bật bản chất nước trong môi trường sinh sống của tổ tiên chúng ta. Từ cái làm (trồng lúa nước) đến cái ăn (gạo, đạm thủy sản, muối biển), chôn ở (sống trên thuyền bè, nhà sàn trên nước), giao thông (thuyền, cầu phao) giải trí (múa rối nước), cho đến khi chết (thủy táng) đều liên hệ đến nước”. (15)

Trên đất liền Việt Nam, miền chân núi của những dãy núi lớn Á Châu là một mạng lưới dày đặc sông, suối, đầm, hồ, ao. Người ta tính rằng trung bình cứ 1km vuông đất đai có hơn 1km đường sông nước. Bởi vậy, nếu hiểu văn hóa là “cái môi trường được con người thích nghi và biến đổi (man-made environment), thì tính sông nước cần được xem là một đặc trưng của văn hóa Việt Nam. Các di chỉ từ thời đại đá mới, các bản làng từ đầu thời đại kim khí về sau đều phần lớn phân bố ở bờ nước: bờ sông, bờ đầm hay bờ biển...

Làm ruộng, trồng lúa, thì mỗi bận tâm hàng đầu cũng là nước: thủy lợi là biện pháp kỹ thuật hàng đầu mà thủy tai (lũ lụt) cũng là cái hại hàng đầu. Bữa ăn hằng ngày là cơm + rau + thủy sản (cua, cá, tôm, tép, ếch, lươn...). Món ăn đặc sắc, chân chất Việt Nam là món luộc (dùng nước đun sôi mà làm chín).

Giao thông vận tải cổ truyền quan trọng nhất là đường nước: Con thuyền các loại là một hình ảnh thân quen của cảnh quan địa lý – nhân văn Việt Nam, với dòng sông và bến nước.

Thế cho nên, người Việt từ thượng cổ đã nổi tiếng “lặn giỏi, bơi tài, thạo thủy chiến, giỏi dùng thuyền”.

Thế cho nên, tâm thức người Việt, từ rất sớm và hằng xuyên qua “thời gian của người”, không thể không bận lòng vì *nước*.

Thế cho nên, người Việt đã đồng nhất không gian xã hội, cộng đồng lãnh thổ, Tổ quốc của họ... với *nước*.

Thế cho nên, người Việt không thể không học hỏi nơi nước và với tấm lòng cởi mở, hồn nhiên, thô phác, nguyên sơ, họ đã tự đồng nhất mình với nước.

Nước là một chất liệu lỏng, có đặc tính linh động và sinh động, không cố định cứng nhắc nơi một hình dạng nào. Nước không câu nệ nơi hình thức, nhưng không vì thế mà “đánh mất” bản chất nước của mình.

“Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài”

Tròn hay dài chỉ là hình thức, đâu có ý nghĩa lớn lao gì, cái chính là nước vẫn giữ được bản chất của mình, nó đâu có bị “tha hóa”, bị “vong thân” (aliéné) để trở thành chính cái bầu, chính vỏ quả bầu hay chính cái ống, chính ống bương hay ống tre...

Thì cứ xem, người Việt thượng cổ thời Đông Sơn đóng khố và mặc váy, người Việt trung cổ và cận cổ mặc cái “quần ta” mà chính ra là cái quần Tàu được thích nghi và cải biến, và người Việt hiện đại mặc “quần phăng”, quần Âu và thậm chí cả “quần bò” nữa... ấy thế mà, về cơ bản, người Việt có đánh mất cái bản chất “ta là ta” đâu, họ có vì sự thay đổi y phục (hình thức khoác ngoài thân xác) mà bị Hoa hóa, Pháp hóa hay là Mỹ hóa đâu. Quả có thật: “Người đẹp vì lụa...” song giá trị nhân văn Việt Nam vẫn là ở chỗ “cái nét đánh chết cái đẹp”.

Nước, qua quá trình nghiệm sinh và nội tâm hóa của người Việt Nam, có lòng đại lượng khoáng dung. Nó thu nhận tất cả vào lòng nhưng đâu vì vậy mà nó trở thành “vô nguyên tắc”

Tự mình, nước biết “gạn đục khơi trong” như là người Việt Nam vậy. Tiến Sĩ H.R. Ferraye cho rằng nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam là tính cách “không chối từ”.

Thực ra, nó chỉ một chối từ: sự đồng hóa cưỡng bức. Còn lại, nó tìm cách dung hòa và hội nhập mọi sở đắc văn hóa của Hoa, của Ấn, của Nam đảo, của Tây Âu... Cả ngôn từ và kỹ thuật, cả tôn giáo và nghệ thuật.

Nghĩ về nước tôi nghĩ đến hai triều đại quân chủ Việt Nam có gốc gác dân chài: triều Trần và triều Mạc. Cả hai đều có tư duy phóng khoáng, cởi mở, không câu nệ và bảo thủ.

Ngắm nhìn dòng chảy, người Việt Nam thấy không gì mềm mại như nước, nó vấp phải bao nhiêu vật cản, vật rắn... song nó vẫn tự tìm lấy đường đi về biển... “Chung thủy triều Đông”; “Đêm ngày cuộn cuộn nước triều Đông”. Nước chảy đá mòn. Nhu có thể thắng cương, yếu có thể chống mạnh, ít có thể địch nhiều... Chính đó là bản sắc Việt Nam. Chính đó là triết lý Việt Nam của cha mẹ tổ tiên ta qua nghiệm sinh mà rút đúc được: cần ứng biến.

Tôi gọi cái bản lĩnh – bản sắc biết nhu, biết cương, biết công, biết thủ, biết “trông trời trông đất trông mây”... rồi tùy thời mà làm ăn theo chuẩn mực “nhất thì nhì thục”... ấy, là khả năng ứng biến của người Việt Nam, của lối sống Việt Nam, của văn hóa Việt Nam. (16)

Nước xuôi chảy, tràn lan khắp nơi, thấm ướt tất cả dơ, sạch, mùi vị, màu sắc, trăm sông đổ ra biển, không giữ gì làm của riêng, bốc hơi thành mây bay trên trời cao, mưa, nước mưa trở lại (về nguồn) tinh khiết, mát dịu, xuôi chảy êm đềm, thấm vào lòng đất nuôi dưỡng con người, vạn vật muôn loài để thăng hoa con người và cuộc sống. Hình ảnh đó nhắc nhở chúng ta “hãy trở về với chính mình”: *Trăm hay xoay vào lòng.*

Không ai, ngoài mình ra, có thể truyền cho mình “nguồn sống nội tại” của mình. Mình phải tự mình thấp xuống mà đi. Không thể tìm thấy sự hiện hữu của mình trong vòng tay rộng mở của người khác vì “*ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình*”.

Mặt khác, ngắm nhìn quá trình của dòng nước xuôi chảy, thu nạp, thích nghi, bốc hơi thành mây, mưa rồi nước lại bốc hơi, v.v... giúp cho người Việt xưa với nghề trồng lúa nước có khái niệm đầu tiên về lý biến dịch tự nhiên của vũ trụ vạn vật muôn loài tuần hoàn liên tục không ngừng nghỉ.

Sự hiểu nghiệm cụ thể thực tế đó gợi lên hình ảnh của một bà mẹ, sinh sản và nuôi dưỡng muôn loài. Nước là đầu mối: sự sống bắt nguồn từ nước. Trên đường đi, nước thu nạp tất cả..., đi đến cùng nước bốc hơi, rồi trở lại thành nước tinh khiết. Đó là khái niệm đầu tiên dẫn đến con đường trở về với cái không hai, cái không phân biệt, “*cái bao gồm cả mâu thuẫn*” như nước bao gồm cả động tĩnh, cương nhu, lợi hi, v.v....

Sự thấy biết này được thần thoại hóa với biểu tượng đối lập mà thống nhất: thần tổ kép Tiên Rồng, Âm Dương, cha mẹ chung của dân tộc Việt Nam nói riêng và của con người nói chung.

Một khi nghề trồng lúa nước trở nên căn bản của đời sống kinh tế thì nước trở thành yếu tố vô cùng quan trọng. Ở vùng châu thổ sông Hồng và sông Mã, mọi thứ đều phải thích nghi với nước, từ thực vật, động vật đến con người.

Qua sự quán chiếu nước, người nông dân Việt Nam sớm ý thức được sự sống bắt nguồn từ nước và học hỏi ở nước mà giác ngộ.

Có lẽ chính mối quan hệ thiết thân giữa người và nước đã giúp cha ông chúng ta nắm bắt được các yếu tính của nước và thể nghiệm chúng trong cuộc sống của dân tộc: linh động, thích

nghi, thích ứng với hoàn cảnh, thu nạp, dung hóa, tự do, bình đẳng, không chấp, tự nhiên, vô vi, tự thanh lọc, khiêm cung, mềm mỏng... Và thế quân bình, tĩnh lặng giúp chúng ta nhìn thấy sự việc rõ ràng hơn.

Tuy nhiên, sự quán chiếu quan trọng nhất của cha ông chúng ta về yếu tính của nước là:

- **lý vô thường**
- **liên hệ nhân quả** qua sự quán chiếu từ nước: nước, phân, cần, giống, ánh sáng, thời tiết thích hợp giúp cho cây lúa trổ hạt,
- **lý luân hồi**, tái sinh rút ra từ chu trình thảo mộc qua bốn mùa và qua sự quán chiếu đời sống nông nghiệp trồng lúa nước,
- **tính thăng hoa** (bốc hơi),
- **tính sinh hóa và tự sinh tự hóa** của mọi loài,
- **tính vô vi và không chấp**,
- **thuộc tính mâu thuẫn**: cương-nhu, cường-nhược, động-tĩnh”. (17)

Phải chăng những lý thuyết về tinh hoa cốt lõi của Nho-Lão-Phật đều là đặc tính của nước? Vì thế, khi dân Việt tiếp xúc với đạo Phật, đạo Lão và đạo Nho đã tiếp nhận một cách dễ dàng như đón nhận cố nhân. Người Việt Nam đã sống với những tinh hoa đó, cùng ăn ở hít thở với nó trước khi ông Lão, ông Khổng, Thái Tử Tất Đạt Đa sinh ra đời.

Mặt khác, cha ông chúng ta gọi “quê hương mình” là “Nước”, muốn gọi lên hình ảnh để nhắc nhở con cháu: **nước là nguyên lý gốc của nền minh triết nhân bản Việt**. Và nước Việt, dân Việt là dung môi như nước có thể hòa tan hầu hết các vật, nghĩa là có thể dung hóa và Việt hóa mọi tư tưởng ngoại lai để phong phú hóa văn hóa Việt. Có thể nói đặc trưng nổi bật, mang yếu tố truyền thống, có nguồn gốc sâu xa của nền văn hóa trồng lúa nước đã tạo ra những yếu tố tác động vào tâm tư tình cảm của người Việt và sự hình thành tinh thần dân tộc. Nói cách khác, đặc trưng của nước đã thăng hoa thành triết lý sống, để rồi lắng đọng sâu sa trong tâm hồn của người Việt cổ và di truyền đến các thế hệ mai sau.

Ngắm nhìn, suy nghiệm dòng suối, con sông, mặt hồ v.v... với đặc tính của nước một cách sâu sắc có thể rút ra được một triết lý sống hài hòa, giản dị, an nhiên, tự tại, và biết rằng mọi vật trong thiên nhiên lúc nào cũng chuyển động, thay đổi như nước; biết rằng đời sống không thể thiếu nước, như người nông dân coi trọng nước (nước – phân - cần - giống). Đời sống vốn quý báu như nước; phải biết trọng đời sống của mình cũng như mọi sinh vật. Nước khiến cho vạn vật liên hệ với nhau chặt chẽ và con người phải ý thức rõ rệt về sự tương quan mật thiết này.

Như trên đã trình bày, từ xưa đến nay có biết bao nhiêu người đã theo dõi, quan sát dòng nước hoặc ngắm nhìn chính mình để thấy, biết mà giác ngộ chân lý.

Cho nên, trong nền minh triết nhân bản Việt, điều quan trọng nhất là phải biết trở về với chính mình, “*trăm hay xoay vào lòng*”, chứ không phải cố gắng trở thành cái gì khác hơn là mình. **Người trưởng thành** không thể sống thiếu ý thức về mình và sự tương quan giữa mình và người, mọi vật cùng thiên nhiên. Sự hiểu biết thật sự chỉ đến khi con người tự biết mình vì “ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình”, tạo điều kiện thuận lợi để thăng hoa cuộc sống và con người với định hướng con người tương thông với thiên nhiên hòa cùng vũ trụ, giải phóng toàn triệt con người vô điều kiện.

Điểm độc đáo ở chỗ cha ông chúng ta, với trí tưởng tượng vô cùng phong phú và sáng tạo, đã gói ghém tất cả tinh hoa của sự hiểu nghiệm trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước - những đặc tính đặc thù của nền minh triết nhân bản Việt - trong thông điệp thần tổ kép Tiên-Rồng để trao truyền cho con cháu.

Ta có thể nói rằng ngoài kho tàng huyền thoại, truyền thuyết, ca dao tục ngữ, chúng ta có thể tìm hiểu bản chất của người Việt, cốt lõi của đạo sống Việt, bản sắc của dân tộc qua sự suy nghiệm và hiểu nghiệm đặc tính của nước.

Những đặc tính của nước như linh động, tự gạn đục khơi trong, không chấp, thích nghi, thu nạp, dung hóa, vô vi (nước không làm gì mà không cái gì nó không làm), tự nhiên (để cho mọi vật được sống tự do cái sống của nó), tự do, bình đẳng, nhân nhục, thăng hoa (bốc hơi), v.v... đã phong phú hóa bản sắc của dân tộc. Nhờ nội lực tổng hợp vững mạnh đó cho nên các dân tộc khác (Tàu, Pháp, Nhật, Mỹ,...) dù mạnh đến đâu cũng không thể thống trị được dân tộc Việt Nam. Sau hơn một ngàn năm bị lệ thuộc phương Bắc, dân tộc Việt vẫn nói tiếng Việt, vẫn giữ được bản sắc của mình, đồng thời âm thầm bên bi sáng suốt, tự chủ dung hóa trọn vẹn ba nguồn tư tưởng Nho-Lão-Phật để phong phú hóa tư tưởng Việt Nam, và kiến thiết nền văn minh rực rỡ vào thời kỳ độc lập, tự chủ Lý-Trần tại phương Đông.

3. Thay Lời Kết

Gần hai thế kỷ trở lại đây, văn minh Tây phương đã theo chân người Pháp vào Việt Nam, rồi trên bảy mươi năm trở lại đây, chủ nghĩa duy vật Cộng Sản, kết tinh những gì quái ác nhất của nền văn minh duy lý Tây Phương đã và đang hoành hành khốc liệt trên thân phận của dân tộc Việt Nam. Và văn minh thực dụng đến độ thiếu tình người của Bắc Mỹ theo chân quân đội Hoa Kỳ vào miền Nam từ năm 1965.

Phải chăng Việt Nam hiện nay là nơi duy nhất hội tụ các nền văn minh (Bắc Mỹ, Tây Phương, Ấn Độ, Trung Hoa), các tư tưởng duy (duy tâm, duy vật, duy lý, duy linh, duy sinh, v.v...), các ý thức hệ và tôn giáo? Phải chăng Việt Nam là nơi hội tụ của những mâu thuẫn nghiệt ngã của thời đại? Tất cả đã và đang diễn ra vô cùng khốc liệt trên đất nước Việt Nam, trên sự gánh chịu thảm thương của người dân Việt Nam.

Đã đến lúc mọi người Việt Nam yêu nước mình, thương dân mình cần thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức để phục hoạt những đặc tính đặc thù (nhân bản, nhân chủ, tình thương và trí tuệ, hài hòa và tâm linh,...) của nền minh triết nhân bản Việt Nam làm tư tưởng chủ đạo cho cuộc sống và dung hóa, việt hóa những tư tưởng ngoại nhập Đông-Tây-Kim-Cổ đã và đang hội tụ trên quê hương hầu hóa giải các mâu thuẫn khốc liệt của thời đại để thể hiện con đường sống của dân tộc (nhân đạo). Dân tộc mình chỉ có thể vượt lên ngang tầm với thời đại về khoa học kỹ thuật và vật chất khi đặt cơ sở phát triển đất nước trên nền tảng của bản sắc dân tộc.

Còn như đánh mất đi sức mạnh nội tại ấy thì suốt đời dân tộc mình chỉ là kẻ chạy theo đuôi các nước ngoài mà thôi.

Nền văn hóa Việt Nam có nguồn gốc từ nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời, trải qua các thời đại văn hóa Hòa Bình, Bắc Sơn, Phùng Nguyên (thời các Vua Hùng dựng

nước) và văn hóa Đông Sơn với trống đồng nổi tiếng trên thế giới. Đó là nếp sống tương nhượng hài hòa trong xóm làng (*hòa cả làng*), “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình” (18), lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc, với những nét đặc trưng hiếu hòa, nhân bản, nhân chủ, dân chủ (*phép vua thua lệ làng*) đối lập thống nhất, chấp nhận dị biệt, đối lập là bổ sung (*rằng trong lẽ phải có người có ta*) khai phóng, cởi mở, không câu nệ sách vở kinh điển. Và cộng thêm những nét đặc trưng của bản địa sinh sống (yếu tính của nước) và quá trình chống ngoại xâm, xây dựng truyền thống bất khuất chống ngoại xâm trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, v.v....

Tất cả những nét đặc trưng kể trên đã kết thành nếp sống Việt, Đạo Sống Việt.

Một trong những tinh hoa của nếp sống chan hòa tình người là xây dựng cho dân tộc truyền thống phát triển tâm linh **mà không kêu cầu đến tín ngưỡng tôn giáo** như đã trình bày ở phần trên: *thuận lý theo thiên nhiên, sống trọn vẹn với thực tại (cái đang là, cái đang xảy ra) trong tình người và tình người ngay tại đây và bây giờ là sống đạo, ngoài ra không còn đạo nào khác.*

Có thể khẳng định rằng nền văn hóa Việt Nam có nguồn gốc từ nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời chan hòa tình người là nền “văn hóa nhân bản”, nền tảng xây dựng văn minh tình thương, văn minh nhân bản.

Điểm độc đáo là ông cha chúng ta đã gói ghém tất cả những nét đặc trưng cốt lõi của Đạo Sống Việt đã nêu ở trên trong một biểu tượng có một không hai trên thế giới, qua hình ảnh cha-mẹ, vợ-chồng, nam-nữ cùng sánh vai trong biểu tượng “Thần Tổ kép Tiên Rồng”.

Qua biểu tượng Thần Tổ kép Tiên Rồng, Đạo Sống Việt hé lộ cho chúng ta thấy Hòa (hai hòa giữa Tiên và Rồng, giữa Âm (Tiên) và Dương (Rồng)) là chủ đạo cho mọi liên hệ ứng xử. Nhân và trí là định hướng của dân tộc trong mọi ý nghĩ, lời nói, và việc làm.

Thần tổ kép Tiên Rồng của dân tộc Việt Nam là biểu tượng thăng hoa theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ. Mẹ Tiên Âu Cơ sống trên núi (non Nhân), cha Rồng Lạc Long sống dưới biển (nước Trí). Tình thương và trí tuệ là định hướng của dân tộc Việt Nam trong mọi ý nghĩ, lời nói, và việc làm. Biểu tượng mẹ Tiên Âu Cơ và cha Rồng Lạc Long chính là biểu hiện rạch rỡ của tình thương và trí tuệ để con cái Việt Nam noi theo. (Muốn biết thêm chi tiết tư tưởng Việt được gói ghém trong biểu tượng thần tổ kép Tiên Rồng xin đọc truyện Tiên Rồng – Nền Minh Triết Việt trên website www.tusachvietthuong.org).

Như vậy về nguồn không phải trở về với Không Tử hay với Đức Phật hoặc ông Lão Tử nghĩa là không ngừng ở tam giáo. Những tinh hoa của Nho, Lão, Phật qua các giai đoạn lịch sử đã được ông cha chúng ta gạn lọc và Việt hóa để hội nhập hài hòa vào dòng tâm thức của dân tộc. Cho nên có nhiều người ngộ nhận văn hóa Việt Nam là nền văn hóa tổng hợp của Nho, Lão, Phật.

Nói như vậy là không cảm nhận được những nét đặc thù của Đạo Sống Việt, những yếu tố cốt lõi vĩnh hằng của nền văn hóa trồng lúa nước như đã trình bày ở phần trên. Chính cái cốt lõi mang tính nhân bản, hiện thực, dân tộc và tâm linh được thể hiện qua nếp sống thuận lý theo thiên nhiên, sống trọn vẹn với cái hiện tiền của cuộc sống, “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình” trong tình người và tình người đó mới thừa khả năng gạn lọc và Việt Hóa những yếu tố của các nền văn hóa ngoại nhập.

Về nguồn cũng không phải trở về với văn hóa Phùng Nguyên (thời đại các Vua Hùng dựng nước) và văn hóa Bắc Sơn, cũng không phải trở về với văn hóa của các tộc Bách Việt sống ở châu thổ sông Hoàng Hà và sông Dương Tử trên đất Tàu. Mà trở về với những yếu tố đặc thù của văn hóa Hòa Bình để từ đó trở về tận cội nguồn Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất như danh tướng Lý Thường Kiệt đã nhắc nhở chúng ta trong hai câu thơ:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thu.*

*Sông núi Nam vua Nam ở,
Rành rành định phận ở sách trời.*

Như vậy, Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) nơi chứa đựng những yếu tố vĩnh hằng của nền văn hóa Việt Nam nói riêng và của mọi dân tộc nói chung.

Mỗi dân tộc sống trong môi trường khác nhau nên tùy theo môi trường sống mỗi dân tộc có bản sắc độc đáo riêng của nó, được thể hiện ngay trên dòng sống sinh động và dòng tâm thức của nó mà văn hóa là một bộ phận. Có thể nói văn hóa là linh hồn của một dân tộc.

Cho nên, trở về Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) là con đường sống của dân tộc Việt Nam nói riêng và của mỗi dân tộc nói chung.

Con người phải trở về tận cội nguồn, thiên nhiên, không dừng chân ở bất cứ giáo hội nào, bất cứ chủ nghĩa hay ý thức hệ nào, hoặc bất cứ quan niệm triết học nào, bất cứ chủng tộc nào. Về tận cội nguồn “lý” (chân lý) đem phần “dụng” (biến dịch) ứng dụng vào cuộc sống hiện tiền, đáp ứng nhu cầu sống của thực tại. Nghĩa là thuận lý theo thiên nhiên với ý chí và nghị lực, sống trọn vẹn với cuộc sống (với cái hiện tiền) trong tính người và tình người, nghĩa là thể hiện đầy đủ và trọn vẹn nếp sống an nhiên tự tại ngay nơi hiện tiền. Như vậy không có gì ngoài con người và thực tại của cuộc sống.

Nói cách khác về tận cội nguồn, Thiên Nhiên, là về với mẫu số chung tạo sự hài hòa (*hòa cả làng*) và sự tương đồng trong tinh thần coi đối lập là bổ sung, chấp nhân dị biệt, *rằng trong lẽ phải có người có ta*, trong cộng đồng thế giới với định hướng toàn cầu hóa, và sự tiến bộ của nền tinh học.

Bắt Đầu Từ Đâu?

Từ thay đổi cái nhìn (*anh trước tôi sau, quay lại cái đầu anh sau tôi trước*). Nghĩa là mọi người tự ý thức thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức mà khởi điểm là trở về với chính mình (*trăm hay xoay vào lòng*) tự biết mình (*vì ngọn đèn được tỏ trước kẻu bởi mình*) với nếp sống tinh thức, qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh với cảm nan định lý– học ăn, học nói, học gói, học mở – theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ với định hướng: *Biến – Hóa – Thăng hoa – Hòa đồng*, hòa cùng vũ trụ, hội nhập vào dòng sống tâm thức dân tộc, đồng thời đóng góp phần mình vào việc hóa giải khủng hoảng tâm thức con người (do sự mất quân bình giữa vật chất và tinh thần trong cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật tạo nên) trong xu thế toàn cầu hóa với nền tinh học đang tiến như vũ bão.

Sự chuyển hóa chỉ có thể thành tựu khi nào tâm trí hoàn toàn tự do không còn bị qui định, không còn bị điều kiện hóa bất cứ ý thức hệ nào, hoặc bất cứ quan niệm triết học nào hay bất cứ giáo điều của một tôn giáo có tổ chức nào.

Trở về cội nguồn thiên nhiên cốt lõi của việc bảo vệ môi sinh đồng nghĩa với bao vệ con người, nghĩa là lấy con người làm gốc cho mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần.

Trở về tận cội nguồn là hài hòa với thiên nhiên, hòa cùng vũ trụ không phải là xây dựng tư tưởng triết học hay trò chơi chữ nghĩa, với nghiên cứu, hội luận, phân tích cơ cấu tâm lý hoặc giải thích sự vận hành của não bộ mà là trải nghiệm, một chứng nghiệm bản thân của cuộc chuyển hóa thực sự toàn bộ cơ cấu tâm thức con người (20) qua quá trình sống tinh thức (21), giải phóng toàn triệt con người vô điều kiện.

*Trăm nghe không bằng một thấy,
Trăm thấy không bằng một lần trải qua.*

Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org

Ghi Chú:

1. Nguyễn An Ninh, Lý Tưởng của Thanh Niên Việt Nam
2. Vĩnh Như, Tinh Thần Thực Tiễn và Người Việt Nam, www.tusachvietthuong.org
3. Vĩnh Như, Du Mục và Nông Nghiệp, Cuộc Xăm Lãng Không Tiếng Súng (năm 2005), Trang 291-306. Đào Văn Dương, Con Người và Thiên Nhiên, Nền Văn Minh Nhân Bản, Tủ Sách Việt Thường, Năm 2008, Trang 299-372.
4. Lạc Việt đã hội nhập vào cộng đồng cư dân Hòa Bình và cư dân sống ở châu thổ Sông Mã và Sông Hồng hình thành dân tộc Văn Lang với nền văn hóa Phùng Nguyên, thời đại các vua Hùng dựng nước.
5. Wilhelm G. Solheim II., Ph.D, New Light On A Forgotten Past, Vol. 139, Nọ 3, March 1971. Stephen Oppenheimer, Eden in the East, The Drowned Continent of Southeast Asia, Phoenix – London, 1998.
6. Trần Gia Phụng, Việt Sử Đại Cương, Tập 1, N.X.B. Non Nước Toronto, Năm 2004, Trang 55.
7. Thường Nhược Thủy, Đạo Sống Việt, N.X.B. Tủ Sách Việt Thường, Năm 2000, Trang 7.
8. Trần Quốc Vương, Văn Hóa Việt Nam: Tìm Tòi và Suy Ngẫm, N.X.B. Văn Hóa Dân Tộc, Tập Chí Văn Hóa & Nghệ Thuật. Năm 2000, Trang 46.
9. Thường Nhược Thủy, sđd, Trang 35.
10. Thường Nhược Thủy, sđd, Trang 51.
11. Thường Nhược Thủy, sđd, Trang 36.
12. Thường Nhược Thủy, sđd, Trang 35-36.
13. Trần Gia Phụng, sđd, Trang 55.
14. Tất cả các nền văn hóa Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ, Tây Phương, và Bắc Mỹ ... đều có “**chế độ**” nô lệ, riêng chỉ có Việt Nam không có “**chế độ**” nô lệ.

15. Thường Nhược Thủy, sđd, Trang 39.
16. Trần Quốc Vương, sđd, Trang 42-49.
17. Thường Nhược Thủy, sđd, Trang 39.
18. Trần Gia Phụng, sđd, Trang 55.
19. Trần Gia Phụng, sđd, Trang 55.
20. Krishnamurti, Nói Chuyện Với Krishnamurti do Carlos Suaris Thực Hiện, N.X.B. An Tiêm, Năm 1970, Trang 17.
21. a) Chuyển Hóa Tâm Thức Qua Nếp Sống Tỉnh Thức, www.tusachvietthuong.org
b) Trăm Hay Xoay Vào Lòng
c) Bài Thơ Con Cóc
d) Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
e) Chuyển hóa tâm thức qua Dưỡng Sinh Y Đạo Thái Hòa (www.tusachvietthuong.org,
phần III. Sống Dưỡng Sinh)